

Bản án số: 23/2020/HS-PT

Ngày: 14 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhài

Ông Nguyễn Văn Quế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 179/2019/TLPT-HS ngày 13 tháng 12 năm 2019, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H và bị hại chị Nguyễn Thanh H2 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 570/2019/HSST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 18/3/1973 tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐK HKTT: Tổ 7, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở: Tổ 27, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Diu; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Cán bộ công chức; là Đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị V; có chồng là Phạm Hồng M; có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tại Quyết định số 131/QĐ-TA-KL ngày 07/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên thi hành kỷ luật cán bộ, công chức bằng hình thức Khiển trách.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại; có mặt.

Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Thu H1, sinh ngày 27/08/1974 tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà 6A, tổ 38, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Sán Diu; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị V; có chồng là Nguyễn Duy T1 và 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Nguyễn Thu H1 do các bị cáo mời:

Luật sư Nguyễn Công Q và Luật sư Lê Quang N, Văn phòng Luật sư An Toàn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên; đều có mặt.

Người bị hại kháng cáo: Chị Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1976; HKTT: Khu tập thể số 9 HL, phường HM, quận HK, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký tạm trú: Khu dân cư số 6, tổ 11, phường TD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị Minh H3, sinh năm 1969; nơi ĐKKHKT: Tổ 27, phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở hiện nay: số 105/48 LL, phường TN, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; (vắng mặt).

- Bà Dương Thị V, sinh năm 1948; nơi cư trú: Tổ 11, phường TD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

- Bà Dương Thị B, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ 7, phường QV, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

- Bà Dương Thị H4, sinh năm 1957; nơi cư trú: Tổ 1, phường QV, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

- Bà Dương Thị C, sinh năm 1965; nơi cư trú: xóm 13, xã PH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

- Ông Dương Văn N, sinh năm 1953; nơi cư trú: xóm 10, xã PH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

- Ông Dương Minh Ng, sinh năm 1943; nơi cư trú: Xóm 13, xã PH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1946; nơi cư trú: xóm Ch, xã LP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H, Nguyễn Thu H1 và chị Nguyễn Thanh H2 là ba chị em ruột, trong quá trình sinh sống giữa H, H1 với chị H2 có phát sinh mâu thuẫn nên H đã làm đơn “Đơn tố giác tội phạm khẩn cấp” đề ngày 12/9/2016 gửi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Giám đốc Công an tỉnh Thái Nguyên; “Đơn đề nghị và kêu cứu” gửi Viện kiểm sát nhân dân Tối cao ngày 29/9/2016; “Đơn đề nghị và kêu cứu” ngày 26/10/2016. Sau khi Nguyễn Thị H viết đã đưa cho H1 đọc sau đó H1 cùng ký tên gửi Viện kiểm sát nhân dân Tối cao.

Các đơn do H và H1 gửi có các nội dung như sau:

- Chị H2 thường xuyên chửi bà Dương Thị V (là mẹ đẻ của H3, H, H1 và chị H2), nhốt bà V trong nhà và không cho con, cháu, hàng xóm vào thăm và chăm sóc bà V;

- Chị H2 là người nghiện ma tuý rất nặng, nợ tiền nhiều người nhưng không có khả năng thanh toán;

- Đêm ngày 15/02/2016 chị H2 cầm dao dí vào cổ chị Nguyễn Thị Minh H3 yêu cầu chị H3 mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ lương hưu và 06 chỉ vàng của bà V đưa cho chị H2;

- Chị H2 chưa học hết lớp 7, không thuộc Bảng cửu chương, được bà Dương Thị B mua hộ bằng bổ túc văn hoá lớp 12;

- Chị H2 tuyên bố đã từng “chạy án” cho nhiều bị can, bị cáo phạm tội ma tuý trong đó có đối tượng tên là Q “khi” và thuê những người này đe dọa cuộc sống của gia đình và anh em họ hàng của chị H3, H và H1;

- Chị H2 đã mua một khẩu súng ở Lạng Sơn về và tuyên bố nếu ai vào nhà để thăm bà V thì sẽ bắn vỡ sọ; Chị H2 thuê người ném mắm tôm trộn lẫn dầu luy n vào 02 ngôi nhà của H.

Toàn bộ những đơn của Nguyễn Thị H; đơn do Nguyễn Thị H và Nguyễn Thu H1 ký đơn được cơ quan có thẩm quyền chuyển đến cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Thái Nguyên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2017 chị Nguyễn Thanh H2 có đơn tố cáo và đề nghị khởi tố đối với Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Minh H3, Nguyễn Thu H1 có hành vi Vu khống đối với chị.

Ngày 26/3/2017, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thu H1 có đơn xin rút đơn đề nghị gửi Cơ quan công an thành phố Thái Nguyên với nội dung: “ngày 26/10/2016 chúng tôi có đơn đề nghị và kêu cứu tới Viện kiểm sát Tối cao nơi chị Nguyễn Thanh H2 đang công tác (thời điểm làm đơn). Vì những việc trong gia đình như đã trình bày trong đơn. Với mục đích là chúng tôi muốn giữ nhà và tài sản cho mẹ đẻ chúng tôi là bà Dương Thị V, nhưng nay tài sản đó đã bị bán, vì vậy chúng tôi thống nhất xin rút toàn bộ nội dung đơn đã gửi tới quý cơ quan”.

Cơ quan điều tra tiến hành điều tra, xác minh nội dung theo đơn của Nguyễn Thị H và Nguyễn Thu H1, kết quả xác định:

- Từ năm 2016 chị Nguyễn Thanh H2 là người trực tiếp chăm sóc bà V, sau khi bà V bị sỏi thận phải điều trị tại Bệnh viện Hưng Việt ở thành phố Hà Nội, chị H2 cùng với bà Dương Thị B và anh em họ hàng chăm sóc, trông nom, đến nay bà V đã hồi phục và khỏe mạnh, do đó xác định không có hành vi chửi mắng, nhốt bà V không cho ai vào chăm sóc bà V.

- Xác minh tại nơi cư trú và các cơ quan nơi chị H2 đã công tác đều cung cấp chị H2 trong quá trình công tác không có vi phạm pháp luật gì, không có biểu hiện tham gia vào các tệ nạn xã hội, đồng thời tại phiếu trả lời kết quả về việc xác định tình trạng nghiện ma túy ngày 01/3/2017 của Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên xác định: chị Nguyễn Thanh H2 không nghiện ma túy; ngoài ra các bị cáo H và H1 cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào xác định chị H2 vay nợ nhiều người và không có khả năng thanh toán.

- Đêm ngày 15/02/2016, bà Dương Thị V đang điều trị tại Bệnh viện Hưng Việt, thành phố Hà Nội do chị H2 và bà B cùng chăm sóc, tại thời điểm đó chị H3 ở thành phố Thái Nguyên chuẩn bị đồ đạc chuyển vào miền Nam sinh sống. Qua lời khai của chị H3 xác định không bị H2 kề dao vào cổ để uy hiếp để buộc chị H3 phải đưa cho các tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ lương hưu, 06 chỉ vàng của bà Dương Thị V cho chị H2.

- Đối với đối tượng Q“khỉ”: chưa có căn cứ để xác định Q“khỉ” có hành vi phạm tội liên quan đến ma túy, cũng như đến nay chưa có tài liệu chứng cứ xác định chị Nguyễn Thanh H2 đã chạy án cho Q“khỉ” và những người khác, chưa có căn cứ xác định việc chị H2 thuê người đến đe dọa cuộc sống của anh em họ hàng nhà chị H3, H và H1.

- Năm 2016 nhà Nguyễn Thị H ở tổ 27, phường PDP, thành phố Thái Nguyên đã 02 lần bị các đối tượng ném chất bẩn là dầu lynn và mắm tôm vào nhà. Nội dung các vụ việc này Nguyễn Thị H đã trình báo Công an phường PDP giải quyết, hiện nay vụ việc vẫn được cơ quan công an xác minh để làm rõ, hiện tại chưa có căn cứ để xác định chị H2 thuê người ném chất bẩn vào nhà của H.

- Đối với nội dung tố giác chị H2 chưa học hết lớp 7, không thuộc bảng cửu chương, được bà Dương Thị B mua hộ Bằng bổ túc văn hoá lớp 12, qua điều tra tra xác định: chị H2 học cấp 2 tại trường Trung học sơ sở Nha Trang, đến năm học lớp 9 thì chị H2 bị viêm ruột thừa, không đủ sức khỏe để dự thi tốt nghiệp cấp 2 năm 1991. Sau đó gia đình chị H2 đã xin xác nhận của trường Trung học sơ sở Nha Trang để theo học tại trường Bổ túc văn hóa trung học vừa học vừa làm Thái Nguyên khóa 1991-1994. Đến kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 1994, chị H2 đăng ký dự thi và đỗ tốt nghiệp, được trường Bổ túc văn hóa trung học vừa học vừa làm Thái Nguyên cấp bằng tốt nghiệp Bổ túc trung học số 109-94/BTTH ngày 15/8/1994.

Tại Kết luận giám định số 885/KL-PC54 ngày 29/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Học bạ phổ thông trung học cấp ngày 20/9/1991 mang tên Nguyễn Thanh H2 là thật.

Kết luận giám định số 501/KL-PC54 ngày 05/4/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Hình dấu trong đó có nội dung “★CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM★TỈNH BẮC THÁI-SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO” trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A1) so với hình dấu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: A3; A4) là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký mang tên “Nguyễn Văn B1” trên các tài liệu

(Ký hiệu: A1, A3, A4) so với chữ ký mang tên “Nguyễn Văn B1” trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: A2) do cùng một người ký ra.

Do đó xác định Bằng tốt nghiệp bổ túc Trung học của chị H2 là thật, do chị H2 dự thi và được cấp theo đúng quy định, không phải do bà B mua.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 570/2019/HSST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thu H1 phạm tội: “Vu khống”.

- Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 156; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015; Xử phạt: Nguyễn Thị H 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án.

- Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 156; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; Xử phạt Nguyễn Thu H1 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 604, 605, 606, 611, 616 Bộ luật dân sự năm 2005; buộc các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thu H1 bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại cho chị Nguyễn Thanh H2 với mức 08 tháng lương cơ bản x 1.490.000đ = 11.920.000 đồng. Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường là 5.960.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/11/2019 bị hại chị Nguyễn Thanh H2 kháng cáo với nội dung đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị H, không cho bị cáo Nguyễn Thu H1 được hưởng án treo và đề nghị tăng mức bồi thường.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thanh H2 giữ nguyên yêu cầu đã kháng cáo với lý do Tòa án cấp sơ thẩm cho hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không đúng vì tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo chưa khai báo thành khẩn và yêu cầu các bị cáo bồi thường khoản tiền chi phí khám chữa bệnh, tiền mua thuốc điều trị, cụ thể là 6.515.000đ và bồi thường số tiền bị thiệt hại do phải nghỉ việc trước 15 năm.

Ngày 07/11/2019 bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án; ngày 26/12/2019 Tòa án nhận được đơn của Nguyễn Thị H xin cải tạo tại địa phương; ngày 03/01/2020 Tòa án nhận được đơn kháng cáo bổ sung của Nguyễn Thị H với nội dung bản thân đã nhận ra lỗi lầm và xin được rút kinh nghiệm sâu sắc và đề nghị cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị H, bị cáo Nguyễn Thu H1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã quy kết đối với các bị cáo, các bị cáo thừa nhận bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội Vu khống là đúng, không oan, các bị cáo xin được hưởng án treo; về yêu cầu bồi thường của bị hại, bị cáo H nhất trí bồi thường số tiền chi phí thuốc men theo yêu cầu của bị hại là 6.515.000đ; về số tiền thiệt hại do chị H2 phải nghỉ việc sớm 15 năm các bị cáo không nhất trí.

Trong phần kết luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá tính chất vụ án, vai trò, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và nội dung kháng cáo của bị cáo, bị hại.

Xét kháng cáo của bị cáo H và kháng cáo của bị hại Nguyễn Thanh H2: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo chưa thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bản án sơ thẩm cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa đủ căn cứ, tuy nhiên bản án sơ thẩm nhận định: tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận là người làm đơn, các nội dung trong đơn là do các bị cáo viết gửi Viện kiểm sát nhân dân Tối cao tố cáo chị H2, nên việc cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chấp nhận được. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất giản đơn, trong đó bị cáo H giữ vai trò chính, là người trực tiếp soạn thảo đơn, bị cáo H1 tham gia đồng phạm là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Bị cáo H có nhân thân xấu; tại cấp phúc thẩm bị cáo đã nộp tiền bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm, mẹ bị cáo được tặng thưởng huy chương nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặc dù bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên bị cáo là cán bộ công tác trong cơ quan bảo vệ pháp luật, có hiểu biết pháp luật nhưng bị cáo vẫn phạm tội với chính người thân của mình, hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, uy tín của bị hại, giảm lòng tin của quần chúng nhân dân đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 15 tháng tù là thỏa đáng, đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo, nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo cũng như kháng cáo tăng hình phạt của bị hại đối với bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị hại không cho bị cáo H1 được hưởng án treo, xét thấy, tại phiên tòa hôm nay bị cáo H1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã ăn năn hối cải, tại phiên tòa đã xin lỗi bị hại, tại cấp phúc thẩm bị cáo nộp tiền bồi thường, bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 12 tháng tù cho hưởng án treo là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại giữ nguyên mức án đối với bị cáo H1.

Về bồi thường, cấp sơ thẩm buộc các bị cáo bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần tương ứng với 08 tháng lương cơ sở là thấp, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm tăng mức bồi thường tổn thất tinh thần và xem xét bồi thường số tiền chi phí thuốc men, khám chữa bệnh có chứng từ bị hại đã nộp có trong hồ sơ vụ án.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị H và

kháng cáo của bị hại Nguyễn Thanh H2; giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Nguyễn Thu H1;

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, tăng mức bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần và bồi thường khoản tiền chi phí thuốc men cho bị hại.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cấp phúc thẩm các bị cáo đã nộp tiền bồi thường khắc phục hậu quả, đề nghị cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo H được hưởng án treo và giữ nguyên mức án đối với bị cáo H1. Về bồi thường dân sự, tại phiên tòa bị cáo H nhất trí bồi thường cho bị hại số tiền chi phí khám chữa bệnh, thuốc men là 6.515.000đ, đề nghị ghi nhận cho bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư.

Bị hại tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo H và không cho các bị cáo được hưởng án treo vì tại phiên tòa các bị cáo không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi đối đáp với các ý kiến của luật sư vẫn giữ nguyên quan điểm đã đề nghị với Hội đồng xét xử.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H và của bị hại Nguyễn Thanh H2 làm trong thời hạn và đúng thủ tục quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Bà Dương Thị V và ông Nguyễn Văn T có 04 người con là Nguyễn Thị Minh H3, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thu H1 và Nguyễn Thanh H2 (ông T ly hôn bà V đã lâu). Trong quá trình sinh sống, giữa Nguyễn Thị H, Nguyễn Thu H1 với chị Nguyễn Thanh H2 có phát sinh mâu thuẫn. Nên H và H1 đã làm nhiều đơn gửi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Giám đốc Công an tỉnh Thái Nguyên có nội dung tố giác chị Nguyễn Thanh H2 phạm tội và một số vấn đề liên quan đến đạo đức của chị H2; cụ thể: Đơn “Đơn tố giác tội phạm khẩn cấp” đề ngày 12/9/2016 gửi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Giám đốc công an tỉnh Thái Nguyên; “Đơn đề nghị và kêu cứu” gửi Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đề ngày 29/9/2016; “Đơn đề nghị và kêu cứu” đề ngày 26/10/2016. Đối với các đơn này, sau khi Nguyễn Thị H soạn thảo đã cho H1 đọc sau đó H, H1 cùng ký tên gửi Viện trưởng Viện

kiểm sát nhân dân Tối cao và Giám đốc Công an tỉnh Thái Nguyên. Các đơn này có các nội dung như sau: Chị H2 thường xuyên chửi mẹ là bà Dương Thị V; H2 nhốt bà V trong nhà và không cho con, cháu, hàng xóm vào thăm và chăm sóc bà V. Chị H2 là người nghiện ma túy rất nặng, nợ tiền nhiều người nhưng không có khả năng thanh toán. Đêm ngày 15/02/2016 chị H2 cầm dao dí vào cổ chị Nguyễn Thị Minh H3 yêu cầu chị H3 mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ lương hưu và 06 chỉ vàng của bà V đưa cho chị H2. Chị H2 chưa học hết lớp 7, không thuộc bảng cửu chương, được bà Dương Thị B mua hộ bằng bỏ túc văn hoá lớp 12. Chị H2 đã từng “chạy án” cho nhiều bị can, bị cáo phạm tội ma túy trong đó có đối tượng tên là Q“khí” và thuê những người này đe dọa cuộc sống của gia đình và anh em họ hàng của chị H3, H và H1. Chị H2 đã mua một khẩu súng ở Lạng Sơn về và tuyên bố nếu ai vào nhà để thăm bà V thì sẽ bắn vỡ sọ; chị H2 thuê người ném mắm tôm trộn lẫn dầu luy n vào 02 ngôi nhà của H.

Quá trình điều tra, xác minh xác định những nội dung nêu trong đơn của Nguyễn Thị H và Nguyễn Thu H1 gửi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Giám đốc công an tỉnh Thái Nguyên là bịa đặt, sai sự thật. Cụ thể được chứng minh như sau:

Bà Nguyễn Thị V khai (bút lục 324): H2 không hề nghiện ma túy, H2 không hề chửi bới, mắng mỏ tôi...H2 không mua bằng, H2 không có súng, H2 không đe dọa ai khi đến thăm tôi, Tôi nằm viện H2 là người chăm sóc, khi nằm điều trị tại bệnh viện Hưng Việt thì H2, bà B và anh em họ hàng chăm sóc, trông nom... Tại phiên tòa sơ thẩm bà V giữ nguyên lời khai trên.

Bà Dương Thị B (là em của bà V khai tại bút lục 318): Toàn bộ nội dung theo H, H1 trình bày là vu khống, bà xác định khi bà V nằm viện thì H2 và bà B trực tiếp chăm sóc bà V, bà B không mua bằng cho H2. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bà B giữ nguyên lời khai trên.

Bà Dương Thị H4 (là em của bà V khai tại bút lục 320): Tôi là em gái ruột bà V, từ trước tới nay, H2 không hề nghiện ma túy, khi bà V ốm, H2 là người chăm sóc, tôi thường xuyên đến thăm bà V, không bị ai cấm đoán. Tôi khẳng định không có sự việc H2 cầm dao dí vào cổ H3 và ép H3 đưa tài sản của bà V... Tại phiên tòa sơ thẩm bà H4 giữ nguyên lời khai trên.

Chị Nguyễn Thị Minh H3 (khai tại bút lục 329): Tôi đã được xem Đơn đề nghị và kêu cứu ngày 26/10/2016, trong đơn có đề những người ký tên làm đơn là H3, H và H1, tôi khẳng định chữ ký trong đơn là giả mạo chữ ký của tôi...Tôi khẳng định những nội dung là vu cáo, bịa đặt. H2 không nghiện ma túy, không hề ngược đãi, chửi mắng mẹ...việc H2 kẻ dao vào cổ tôi ép tôi phải đưa tài sản của mẹ là hoàn toàn không có thật, do H tự bịa đặt ra...

Nguyễn Thị H1 (khai tại bút lục 339): Những nội dung trong đơn do Nguyễn Thị H soạn thảo, những nội dung trong đơn là không có thật, mục đích là gây mất danh dự, uy tín của chị H2, H2 không dí dao vào cổ chị H3 để ép H3 giao tài sản...

Các lời khai của những người làm chứng được trích dẫn trên rất phù hợp với lời khai của người bị hại chị Nguyễn Thanh H2; phù hợp với lời khai của một số người làm chứng khác, cũng như kết luận giám định và nhiều tài liệu chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ kết luận: Trong năm 2016, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thu H1 đã thực hiện hành vi bịa đặt những điều biết rõ là sai sự thật, trong đó có việc bịa đặt, vu khống chị Nguyễn Thanh H2 phạm tội rất nghiêm trọng và tố cáo chị H2 trước cơ quan có thẩm quyền nhằm xúc phạm nghiêm trọng chị H2.

Việc làm và ý thức chủ quan của Nguyễn Thị H và Nguyễn Thu H1 nêu trên là hành vi phạm tội Vu khống người khác phạm tội rất nghiêm trọng. Do đó hai bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội danh như nêu trên theo điểm h khoản 2 Điều 156 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như bản án sơ thẩm đã quy kết.

[3]. Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Thanh H2 và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H thì thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm bị hại và gây mất trật tự trị an xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của từng bị cáo trong vụ án; ngoài tình tiết giảm nhẹ hai bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã cho hai bị cáo H và H1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, mặc dù cho hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ này là chưa có sức thuyết phục vì hồ sơ vụ án thể hiện tại giai đoạn điều tra, ở phiên tòa sơ thẩm cả hai bị cáo tuy thừa nhận đã thực hiện hành vi viết đơn tố cáo chị H2 gửi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Giám đốc Công an tỉnh Thái Nguyên và thừa nhận không có chứng cứ chứng minh những nội dung tố cáo chị H2 nhưng lại cho rằng mục đích không phải là vu khống chị H2. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo H1 đã chấp nhận các quyết định của bản án sơ thẩm nên đã không kháng cáo; hai bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên tiền bồi thường cho chị H2 theo quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo H trong đơn kháng cáo bổ sung xin được tại ngoại cải tạo tại địa phương nêu đã nhận thức được lỗi làm của mình, điều đó nó bổ sung cho việc Tòa án cấp sơ thẩm cho hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, nhưng mức giảm nhẹ của tình tiết này là không đáng kể.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo H giữ vai trò chính trong vụ án là chính xác, bởi lẽ bị cáo là người soạn thảo đưa ra các nội dung bịa đặt trong đơn tố cáo bị hại, bị cáo H1 là người chỉ xem và ký đơn do H soạn thảo, bị cáo H1 tham gia đồng phạm với hành vi là có mức độ. Về nhân thân, bị cáo H1 là người có nhân thân tốt, bị cáo H trong thời gian công tác, năm 2014 đã một lần bị xử lý kỷ luật. Mặc dù tại cấp phúc thẩm, bị cáo H xuất trình tài liệu trong thời gian công tác bị cáo được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp

Tòa án, mẹ đẻ bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ, Huy chương vì sự nghiệp Tư pháp, bị cáo đã nộp tiền bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm, đó là tình tiết giảm nhẹ mới của bị cáo phát sinh tại cấp phúc thẩm được pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo H giữ vai trò chính, hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, uy tín của bị hại mà nghiêm trọng hơn bị cáo là cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là cơ quan bảo vệ pháp luật làm ảnh hưởng đến cơ quan Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên nói riêng và hệ thống Tòa án nói chung. Do đó mức án 15 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là thỏa đáng, đủ tác dụng giáo dục và cảnh tỉnh chung nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo cũng như kháng cáo tăng hình phạt của bị hại đối với bị cáo H. Đối với bị cáo H1, như phân tích trên trong vụ án này hành vi phạm tội của bị cáo là có mức độ. Căn cứ vai trò, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng thì thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo là đúng pháp luật nên không có căn cứ chuyển biện pháp cải tạo đối với bị cáo H1 như yêu cầu kháng cáo của bị hại.

Đối với kháng cáo đề nghị tăng bồi thường đối với hai bị cáo của chị Nguyễn Thanh H2 thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích tính chất vụ án và xem xét yêu cầu bồi thường của người bị hại để buộc hai bị cáo phải bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho chị H2 với mức 08 lần mức lương cơ sở là có căn cứ đúng pháp luật do đó không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này của chị H2 cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát; hơn nữa chị H2 cũng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh mức thiệt hại. Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền chi phí khám chữa bệnh, tiền thuốc điều trị với tổng số tiền là 6.515.000đ, bị cáo Nguyễn Thị H nhất trí bồi thường số tiền nêu trên theo yêu cầu của bị hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận nêu trên. Do bị cáo chưa bồi thường ngay nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự để đảm bảo việc bồi thường theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của Luật sư bào chữa cho các bị cáo Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí, bị cáo H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự, bị cáo Nguyễn Thu H1 và bị hại Nguyễn Thanh H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H và kháng cáo của bị hại

chị Nguyễn Thanh H2, giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thu H1.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm tăng mức bồi thường thiệt hại.

1. Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 156; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị H 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Vu khống", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án.

2. Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 156; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thu H1 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn tháng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Vu khống".

Giao Nguyễn Thu H1 cho Ủy ban nhân dân phường PDP, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 592, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho chị Nguyễn Thanh H2 số tiền 6.515.000đ (*sáu triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng*);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Ghi nhận Nguyễn Thị H đã nộp số tiền 5.960.000đ (*năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền số 0001882 ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên là số tiền bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm.

- Ghi nhận Nguyễn Thu H1 đã nộp số tiền 5.960.000đ (*năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) là tiền bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm và 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí, tại biên lai thu tiền số 0001898 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

4. Về Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm và 325.750đ (*ba trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- TAND, VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Bị cáo; Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuân